TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC-VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 30 - 9 - 2025.
V/v ly hôn giữa anh N và chị L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tư.

Ông Lê Văn Thới.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2025/QĐST-DS ngày 10/9/2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Nguyễn Tấn N, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số nhà 42, ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- ***Bị đơn***: Chị Dương Thị Kim L, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp Đ, xã B, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10 tháng 7 năm 2025 nguyên đơn anh Nguyễn Tấn N trình bày: Anh và chị Dương Thị Kim L kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn. Chung sống với nhau đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung, nên đã sống ly thân, vì vậy anh xin ly hôn với chị Dương Thị Kim L.

Về con chung: Anh và chị Loan có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Thúy V, sinh ngày 07/8/2006 (đã trưởng thành) nên không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Ngọc Hồng N, sinh ngày 13/6/2014, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, cháu N hiện nay đang sống với mẹ (chị L).

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn: Được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Tấn N và chị Dương Thị Kim L kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên anh N có đơn yêu cầu xin được ly hôn với chị L, chị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, chị L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do, anh N có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chứng cứ do anh N cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện anh N và chị L có đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 12 năm 2011. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc anh N và chị L sống ly thân, chị L được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết, từ đó cho thấy Chị không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc anh N yêu cầu được ly hôn với chị L là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh N và chị L chung sống với nhau có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Thúy V, sinh ngày 07/8/2006 (đã trưởng thành) nên không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Ngọc Hồng N, sinh ngày 13/6/2014, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, cháu N hiện nay đang sống với mẹ.

Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu N là do chị L nuôi dưỡng. Nhằm tạo sự ổn định cho các cháu, xét thấy để chị L tiếp tục nuôi cháu N là đúng với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; còn cháu V đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, nên anh N phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Tấn N ly hôn chị Dương Thị Kim L.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Ngọc Hồng N, sinh ngày 13/6/2014 cho chị Dương Thị Kim L nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với anh N, nhưng nếu anh N lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với anh N.

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Tấn N nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng*) anh N đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, theo biên lai thu tiền số 0000405 ngày 18/7/2025, anh N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV-Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV-Vĩnh Long;
- UBND xã B, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng